

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

- Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật hình sự phần các tội phạm**
- Tên học phần (tiếng Anh) : **Criminal law section on crimes**
- Mã học phần : **LA2055**
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật
- Số tín chỉ : 3 (3,0,6)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
 - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ
- Phân bổ thời gian
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 0 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước : Không
- Học phần song hành : không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Luật hình sự phần các tội phạm là môn khoa học chuyên ngành cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của ngành luật hình sự trong việc xác lập những vấn đề mang tính nền tảng nhằm tạo nền tảng cho sinh viên trong kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết vụ án

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Kiến thức: SV nắm vững kiến thức lý luận về những quy định thuộc Bộ luật hình sự và pháp luật có liên quan. Nắm vững những vấn đề lý luận và thực tiễn của đất nước, xã hội và mối quan hệ với pháp luật hình sự
Kỹ năng	
O2	Kỹ năng tác nghiệp: Có khả năng phân tích, tổng hợp tài liệu, thành thạo kỹ năng cần thiết để giải quyết những vấn đề pháp lý thuộc pháp luật hình sự. Vận dụng pháp luật hình sự để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp, nắm vững kỹ năng truyền đạt vấn đề và đưa giải pháp tới người khác, kỹ năng phổ biến pháp luật Vận dụng các kiến thức pháp luật hình sự kết hợp phương pháp dạy học và phương tiện dạy học khác nhau giúp học sinh học tập một cách tích cực, hiệu quả; có khả năng phân tích, đánh giá hành vi của học sinh để đề ra phương pháp giáo dục phù hợp Có khả năng nhận thức và đưa ra phương pháp giải quyết phù hợp các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến pháp luật hình sự.
O3	Yêu cầu về tư duy: Sinh viên có khả năng đọc, hiểu, biết cách khai thác, phân tích, đánh giá những văn bản pháp luật; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp tranh luận.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Thái độ và hành vi: Xây dựng thái độ tự tin vận dụng hiểu biết về luật; khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có trách nhiệm và có khả năng tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

O _x	CLO _x	PLO _x
Kiến thức		
O1	CLO1. Hiểu được các dấu hiệu đặc trưng của từng tội phạm cụ thể	PLO4 PLO6
O2	CLO2. Phân tích được những dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm cụ thể	PLO4 PLO6
Kỹ năng		
O3	CLO3. Đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể Chỉ ra được sự giống nhau và khác nhau của các tội phạm cụ thể Chỉ ra được sự giống nhau và khác nhau của các tội phạm cụ thể Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, góp phần hoàn thiện các quy định của luật hình sự phân các tội phạm; Phát triển kỹ năng bình luận, thuyết trình; phê phán các quan điểm sai lầm.	PLO6 PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	CLO4. Thành thạo kỹ năng trong việc phát hiện, tư duy và thiết lập mối quan hệ giữa các tình tiết cần thiết trong vụ án hình sự, vận dụng kiến thức vào để phân tích, tổng hợp các tình tiết cần thiết và áp dụng quy định để giải quyết vấn đề thuộc pháp luật hình sự. Thành thạo với kỹ năng kiểm tra, đánh giá và phản biện về việc áp dụng quy định giải quyết vấn đề. Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, lập luận và phản biện trước công chúng, kỹ năng phổ biến pháp luật.	PLO13 PLO15

	Có khả năng nhận thức và đưa ra phương pháp giải quyết phù hợp các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến pháp luật hình sự. Có khả năng tự định hướng, đưa được kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân	
--	--	--

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content)

(theo bài giảng)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
1	Chương 1: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người 1.1. Khái niệm chung 1.2. Các tội phạm cụ thể	9		28		37
2	Chương 2. Các tội xâm phạm sở hữu 2.1. Những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu 2.2. Các tội phạm cụ thể	9		23		32
3	Các tội xâm phạm trật tự quản lí kinh tế; các tội phạm về ma túy 3.1. Những vấn đề chung 3.2. Các tội phạm cụ thể	9		18		27
4	Chương 4: Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng 4.1. Khái niệm chung 4.2. Các tội phạm cụ thể	9		18		27

STT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		9		18		
	Chương 5: Các tội phạm về chức vụ 5.1. Khái niệm chung 5.2. Các tội phạm cụ thể					27
Tổng		45	0	105		150

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

7.1. Tài liệu dạy học

- Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung- Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam
- Trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh - Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm- Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam

7.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ luật hình sự.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] Laptop

[2] Slides

[3] Máy chiếu

[4] Viết và bảng

[5] Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (*Matrix*):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO1	H	H	H	H	H
CLO2	H	H	H	H	H
CLO3	P	P	P	P	P
CLO4	S	S	S	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Thuyết trình	H	H	H	H	H				
Thảo luận nhóm	P	P	P	P	P				
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S				
Báo cáo chuyên đề									
Bài tập									
....									

❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Lý thuyết	H	H	H	H	H				

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	P				
Điểm kiểm tra MCQ	H	H	H	S	S				
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	P	P				
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ vắng Số giờ HP	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 0% - 10%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân
- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Phạm Hải Sơn